

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/DS-PT

Ngày: 23-03-2021

V/v Tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thịnh

Các Thẩm phán:

Ông Trần Quốc Vũ

Ông Phạm Văn Diệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 23 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 304/2020/TLPT-DS, ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 85/2020/DS-ST, ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố TN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐPT-DS, ngày 23 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: số 119, đường CTV, khu phố HL, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N: Luật sư Nguyễn Văn C - Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn C thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Bị đơn: Bà Trương Thị V, sinh năm 1941; địa chỉ cư trú: số 34, đường 30/4, khu phố 5, phường IV, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà V: Bà Lê Thị Kiều D, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Số 1226, ấp NA, xã BN, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 14-8-2020); có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Số 119, đường CTV, khu phố HL, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Kim S, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: Nhà trọ thuộc hẻm 81, đường CMT8, khu phố HB, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

+ Ông Trần Quốc Kh (tên gọi khác H), sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Số nhà 6/14, đường ĐBP, khu phố HN, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29-6-2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là Bà Lê Thị N trình bày: Vợ chồng bà chuyển nhượng nhà, đất tọa lạc tại khu phố HL, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh cho Ông Trần Quốc Kh (H) với giá 830.000.000 đồng. Ông Kh đặt cọc trước số tiền 200.000.000 đồng; khi ký hợp đồng công chứng trả số tiền 620.000.000 đồng, còn lại 10.000.000 đồng Ông Kh sẽ trả khi được giao nhà; các bên không có tranh chấp về vấn đề này.

Theo thỏa thuận thì ngày 18-11-2019, vợ chồng bà đến Văn phòng công chứng LTT ký hợp đồng chuyển nhượng đất cho Ông Kh. Do lúc đó bà chưa đến kịp nên bà có nhờ bà S đến nhận và giữ tiền giúp, vì chồng bà là ông L thường say xỉn nên bà không tin tưởng. Tại Văn phòng Công chứng, có mặt bà S, ông L (chồng bà), bà V; Ông Kh; còn bà đến sau và vào ký giấy chuyển nhượng thì Ông Kh giao số tiền 620 triệu đồng cho ông L, trong lúc giao nhận tiền thì bà V lại lấy, Ông Kh giật lại nên ông L nói là giao cho bà V giữ cũng được. Nên bà V giữ toàn bộ số tiền Ông Kh giao 620 triệu đồng. Do tin tưởng bà V nên vợ chồng bà đồng ý để bà V giữ giùm số tiền này mà không làm giấy tờ.

Bà không vay tiền của bà V mà vay của bà S số tiền 300.000.000 đồng vào năm 2019. Đối với khoản tiền bà nợ bà S sẽ tính riêng với nhau, không tranh chấp trong vụ kiện này.

Nay bà yêu cầu bà V phải trả cho vợ chồng bà số tiền 620.000.000 (Sáu trăm hai mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn - Bà Trương Thị V trình bày: Bà N, bà S và bà là chị em bạn đạo thân thiết với nhau. Bà S có vay của bà số tiền 750.000.000 đồng vào năm 2019.

Tháng 11-2019, bà S kêu bà đến Văn phòng công chứng LTT gặp Ông Kh (H) để lấy số tiền 680.000.000 đồng là tiền bà S trả cho bà. Khi bà nhận tiền có làm biên nhận giao cho Ông Kh giữ. Lúc Ông Kh giao tiền có mặt Ông Kh, bà S, ông L là chồng bà N; đến khi bà lấy tiền ra về mới gặp bà N ở cửa Văn phòng Công chứng.

Khoảng tháng 5-2020, vợ chồng bà N có đến nhà bà đòi số tiền 620.000.00 đồng. Bà N có viết tờ tường trình sự việc ngày 16-4-2020 rồi phô tô thành nhiều bản gửi cho nhiều bạn đạo của bà, trong đó có nội dung bà S vay của bà số tiền 300.000.000 đồng là vay giùm cho bà N nên bà N nói trừ thẳng vào số tiền 620.000.000 đồng, yêu cầu bà trả lại số tiền 320.000.000 đồng cho vợ chồng bà N. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N; vì bà N đã nhờ bà S giữ tiền giùm, sáu đó bà S đã lấy tiền đó trả nợ cho bà nên bà chỉ biết đến lấy tiền từ việc bà S trả.

Bà N trình bày thêm: số tiền bà S vay của bà V thì bà S phải có trách nhiệm trả cho bà V, bà không đồng ý để bà V lấy tiền của vợ chồng bà cần trừ nợ. Bà không công nhận nội dung bản phô tô tờ tường trình ngày 16-4-2020 bà V cung cấp cho Tòa án là do bà viết, ký tên. Ngày 04-9-2020, bà cung cấp 01 file ghi âm cuộc chuyện giữa bà và bà V trong đó bà V đã thừa nhận giữ tiền của vợ chồng bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Trần Quốc Kh trình bày: Việc ông mua nhà đất của vợ chồng bà N như bà N trình bày là đúng. Ngày 18-11-2019 tại Văn phòng công chứng LTT đáng lẽ ông chỉ giao số tiền 620.000.000 đồng cho vợ chồng bà N, ông L nhưng ông không đếm lại tiền nên giao nhầm thành số tiền 680.000.000 đồng. Ông đưa tiền cho ông L nhưng bà V giật trên tay lấy toàn bộ số tiền này; sau đó được sự đồng ý của ông L nên ông đã giao số tiền này cho bà V. Lúc giao tiền có mặt ông, ông L, bà N, bà V. Ông không lập biên bản giao nhận số tiền 680.000.000 đồng với bà V.

Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N, còn số tiền 60.000.000 đồng của ông giao nhầm cho bà V ông không yêu cầu bà V trả lại, không có tranh chấp trong vụ án này.

Nguyễn Văn L trình bày: Số tiền 620.000.000 đồng bà N khởi kiện là tiền của vợ chồng ông bán nhà đất cho Ông Kh. Ngày 18-11-2019 tại Văn phòng Công chứng LTT, khi Ông Kh giao tiền cho ông thì bà V chụp tiền trên tay và lấy tiền ra về; lúc đó có mặt ông, bà S, Ông Kh còn bà N đến sau ký hợp đồng không chứng kiến các bên giao nhận tiền. Ông nghĩ bà N và bà V có làm ăn với nhau, quen biết từ trước nên mới để bà V lấy tiền. Khi về nhà ông có nói với bà N “*Tại sao tiền bán nhà, đất để người ta giữ*” thì bà N nói với ông “*Bạn bè đồng tu ông yên tâm khỏi lo*”. Nay ông yêu cầu bà V phải trả lại số tiền 620.000.000 đồng cho vợ chồng ông.

Tại bản tự khai ngày 03-8-2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Kim S trình bày: Bà có vay tiền của bà V để làm ăn và nuôi con nhỏ; khi vay tiền bà có ký nhận vào sổ vay của bà V, khi trả tiền xong bà V đã gạch bỏ phần tiền vay này trong sổ vay. Giữa bà, bà N, bà V đều có quen biết nhau, tuy nhiên việc tranh chấp đòi số tiền 620.000.000 đồng giữa bà N và bà V không liên quan đến bà, đề nghị Tòa án không đưa bà tham gia tố tụng trong vụ án này.

Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2020/DS-ST, ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố TN đã quyết định:

Căn cứ Điều 166, 357 của Bộ luật Dân sự; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng Bà Lê Thị N, Ông Nguyễn Văn L về việc “*Tranh chấp đòi tài sản*” đối với Bà Trương Thị V.

Buộc Bà Trương Thị V có nghĩa vụ trả số tiền 620.000.000 (Sáu trăm hai mươi triệu) đồng cho vợ chồng Bà Lê Thị N, Ông Nguyễn Văn L.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/10/2020, Bà Trương Thị V kháng cáo không đồng ý trả tiền cho vợ chồng bà N như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa, bà V và người đại diện hợp pháp của bà V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà S vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị Sang là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà N, bà S và bà V quen biết nhau thông qua việc cùng sinh hoạt chung họ đạo và có vay tiền qua lại. Trong đó, bà N vay tiền của bà S; bà S vay tiền của bà V. Ngày 18-11-2019 bà V có nhận số tiền 680.000.000 đồng do Ông Kh là người mua nhà đất của vợ chồng bà N giao được sự đồng ý của ông L và bà N. Số tiền này có 620 triệu đồng là tiền Ông Kh trả tiền mua bán nhà cho vợ chồng bà N, còn 60 triệu Ông Kh giao nhầm.

Việc bà V cho rằng bà nhận tiền này là do bà S gọi bà đến nhận để trả nợ vay nhưng bà S khai không liên quan đến việc bà V nhận tiền của vợ chồng bà N; vợ chồng bà N cũng không thừa nhận có đồng ý cho bà S cầm trả nợ. Như vậy, số tiền bà V nhận là của vợ chồng bà N, nên có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà N; còn việc bà S nợ bà V là quan hệ khác không tranh chấp trong vụ án này.

Đối với bản tường trình mà bà V cho rằng bà S viết gửi các bạn đạo có nội dung thể hiện bà N nợ bà S 300 triệu đồng nhưng lại trừ của bà N 620 triệu đồng. Bản tường trình này là bản phô tô, bà N không thừa nhận mình viết nên không có cơ sở xem xét là chứng cứ của vụ án. Đối với file ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà N và bà V cũng không chứa đựng nội dung cụ thể gì.

Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí sơ, phúc thẩm: bà V là người cao tuổi và có đơn miễn án phí nên được miễn án phí sơ thẩm, phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Bà Trương Thị V, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị N về việc “Tranh chấp đòi tài sản” đối với Bà Trương Thị V.

Buộc Bà Trương Thị V có nghĩa vụ trả cho Bà Lê Thị N, Ông Nguyễn Văn L số tiền 620.000.000 (Sáu trăm hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí sơ, phúc thẩm dân sự: Bà V được miễn; các đương sự khác không phải chịu.

Hoàn trả cho vợ chồng Bà Lê Thị N 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp theo Biên lai thu số 000283, ngày 09-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND TP Tây Ninh;
- CCTHADS TP Tây Ninh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Văn phòng TA tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đỗ Văn Thịnh